

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**

2. Ông **Lê Hồng Vũ**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 307/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Tiến hành lập biên bản với nội dung như sau:

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Ủ** – Sinh năm 1930

Cư trú: Khu vực T, phường H, quận N, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ủ là ông **Nguyễn Tùng L** - Sinh năm 1968. Cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, Tp. Cần Thơ. Theo Hợp đồng ủy quyền được công chứng Số 1750, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/6/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Tùng.

1.2. *Bị đơn*: Ông **Lê Văn T** – Sinh năm 1947; ông **Hà Văn H** – Sinh năm 1977. Cùng cư trú: Khu vực T, phường H, quận N, Tp. Cần Thơ.

1.3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà **Võ Thị N** – Sinh năm 1958

- Ông **Lê Công Đ** – Sinh năm 1971

- Ông **Lê Văn Đ1** – Sinh năm 1980

Cùng cư trú: Khu vực T, phường H, quận N, Tp. Cần Thơ.

- Bà **Hà Thị T** – Sinh năm 1967

Cư trú: Ấp T2, xã T, huyện C, Tp. Cần Thơ.

- Bà **Hà Thị B** – Sinh năm 1972

Cư trú: Khu vực L, phường T, quận N, Tp. Cần Thơ.

- Bà **Hà Thị D** – Sinh năm 1975

Cư trú: Ấp T1, xã T, huyện C, Tp. Cần Thơ.

- Bà **Hà Thị B1** – Sinh năm 1976

Cư trú: Khu vực T1, phường T, quận N, Tp. Cần Thơ.

- Ông **Hà Văn Q** – Sinh năm 1979

- Ông **Hà Văn T** – Sinh năm 1984

- Ông **Hà Thanh B** – Sinh năm 1992

Cùng cư trú: Khu vực T, phường T, quận N, Tp. Cần Thơ.

- Ông **Hà Văn S** – Sinh năm 1980

Cư trú: Khu vực T, phường H, quận N, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông Đ, ông Đ1 là ông Lê Văn T, theo Hợp đồng ủy quyền được chứng thực Số 225/2022, quyền số 01/2022-SCT/HĐ,GD ngày 17/11/2022 của Chủ tịch UBND P. Thuận Hưng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà B, bà D, bà B1, ông Q, ông T và ông B là ông Hà Văn H, theo Hợp đồng ủy quyền được chứng thực số 124, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND P. Thuận Hưng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ú được quyền sử dụng đất tại thửa 236, có diện tích là $26,4 \text{ m}^2 + 203,0 \text{ m}^2 + 76,9 \text{ m}^2 = 306,3 \text{ m}^2$, loại đất CLN. Cạnh chiều ngang giáp đường xi măng là $0,68 \text{ m} + 6,43 \text{ m} + 1,93 \text{ m}$; cạnh chiều ngang phía trong là $0,68 \text{ m} + 4,07 \text{ m} + 1,93 \text{ m}$; chiều dài hết thửa đất.

- Phần đất còn lại bên thửa 235 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Lê Văn T, có diện tích là $24,1 \text{ m}^2 + 293,0 \text{ m}^2 = 317,1 \text{ m}^2$, loại đất: 300 m^2 ODT + $17,1 \text{ m}^2$ CLN. Cạnh chiều ngang giáp đường xi măng là $0,40 \text{ m} + 7,82 \text{ m}$; cạnh chiều ngang phía trong là $0,72 \text{ m} + 7,37 \text{ m}$; chiều dài hết thửa đất.

- Phần đất còn lại bên thửa 237 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Hà Văn S (ông S đã chết) có diện tích là $171,4 \text{ m}^2 + 224,5 \text{ m}^2 + 146,1 \text{ m}^2 + 6,4 \text{ m}^2 = 548,4 \text{ m}^2$, loại đất: 300 m^2 ODT + $248,4 \text{ m}^2$ LNK. Cạnh chiều ngang giáp đường xi măng là $3,87 \text{ m} + 7,20 \text{ m} + 0,80 \text{ m}$; cạnh chiều ngang phía trong là $16,85 \text{ m}$; chiều dài hết thửa đất.

Các thửa đất thuộc Tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Khu vực Tân Phú, P. Thuận Hưng, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ. Vị trí, kích thước các thửa đất được thể hiện trên Bản trích đo địa chính Số 47/TTKTTNMT ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ; và theo thỏa thuận trên đây.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất theo quy định pháp luật.

Các số liệu diện tích trên đây là tương đối (do tính theo cách đơn giản), nên khi đo, vẽ để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể dẫn đến chênh lệch số liệu nhỏ, các đương sự chấp nhận.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lệ phí trích đo:

Bà Nguyễn Thị Ủ, ông Lê Văn T, ông Hà Văn H mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lệ phí trích đo là 2.167.000 đồng (*hai triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*). Bà Ủ đã đóng tạm ứng trước, nên ông T, ông H có trách nhiệm hoàn trả bà Ủ số tiền này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ủ, ông Lê Văn T được miễn án phí do là người cao tuổi (trên 60 tuổi).

Ông Hà Văn H phải nộp $\frac{1}{2}$ số tiền án phí theo quy định, tương ứng là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HÒI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt